

Bản án số: 43/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 28-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hà; bà Dương Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/8/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Mai Văn T - Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Xóm 9, xã A, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

- Bị đơn: Chị Mai Thị Tr - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Xóm 9, xã A, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Mai Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị Tr kết hôn vào ngày 18/01/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuối năm 2016, chị Tr đi làm công ty ở xã Th được khoảng 3 tháng thì có quen với người đàn ông khác rồi bỏ đi với họ tầm nửa tháng mới trở về nhà. Anh và gia đình có khuyên bảo chị Tr lúc đó thì nghe nhưng được 1 thời gian ngắn lợi dụng lúc anh đang đi làm xa chị Tr lại bỏ đi và không quay trở về ở với bố con anh nữa. Kể từ ngày 27/9/2017 cho đến nay, vợ chồng anh chính thức sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được anh chị và 2 bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không được. Nay anh thấy tình cảm

không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, anh yêu cầu được ly hôn chị Trang.

Về con: Vợ chồng anh có 03 con chung là: Mai Phương L - Sinh ngày 26/12/2007; Mai Bảo L1 - Sinh ngày: 28/11/2010 và Mai Văn T - Sinh ngày: 05/6/2013. Nguyên vọng của anh là được trực tiếp nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay anh đồng ý để chị Tr trực tiếp nuôi 02 cháu L và cháu L1, còn cháu T anh vẫn giữ nguyên quan điểm là đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr vì anh cũng nuôi một cháu nên anh chỉ có thể cấp dưỡng cho hai cháu cùng chị Tr là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi ra Tòa án ra Quyết định đưa vụ án xét xử, bị đơn chị Mai Thị Tr đã được Tòa án triệu tập và giao các thông báo hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và hòa giải. Ngày 17/8/2018, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Tr mới đến Tòa án để thể hiện quan điểm của mình. Tại bản tự khai ngày 17/8/2018 và tại phiên tòa hôm nay chị Mai Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Ngày tháng năm kết hôn, cơ sở kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau ngày kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người sống không hợp nhau về mọi mặt, khi chị nói thì anh T dùng vũ lực đánh chị ngay từ khi chị đang mang thai, lúc đó chị đã định ly hôn nhưng gia đình chị khuyên ngăn nên chị đã ở để cho con có bố, có mẹ. Sau đó, anh T vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi, chị không chịu đựng được đã có lần định tự tử nhưng lúc đó chị đang có thai nên chị lại thêm động lực tiếp tục sống để nuôi con. Cho đến khi chị thấy anh T vẫn không thay đổi nên tháng 11/2017 chị đã làm đơn xin ly hôn anh T nhưng khi đó chị có việc riêng không theo vụ án được, Tòa án đã đình chỉ vụ án. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 10/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh T yêu cầu xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con: Chị thừa nhận vợ chồng có 03 con chung như anh T khai, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Mai Phương L và Mai Bảo L1, còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Văn T. Vì chị nuôi 02 con nên chị yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm là được nuôi 02 cháu L và cháu L1, còn cháu T chị để anh T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng chị yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng, 2 cháu là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Vì từ khi thụ lý vụ án đến nay chị đi làm không đến Tòa án để trình bày và yêu cầu được, nay Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo yêu cầu của anh Toàn chỉ giải quyết về hôn nhân và con chung, nên vấn đề tài sản chị sẽ yêu cầu giải quyết sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mai Văn T về yêu cầu xin ly hôn và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Mai Văn T và chị Mai Thị Tr kết hôn ngày 18/01/2007, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T là cuối năm 2016, chị Tr đi làm công ty được khoảng 03 tháng thì có quen với người đàn ông khác rồi bỏ đi theo họ, không về ở với bố con anh T, kể từ ngày 27/9/2017 cho đến nay, vợ chồng anh chính thức sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau; còn theo chị Tr thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, anh T có đánh đập chị, chị khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi dẫn đến tháng 11/2017 chị phải làm đơn ra Tòa yêu cầu xin ly hôn anh T nhưng khi đó chị có việc riêng không theo vụ án được nên Tòa án đã đình chỉ vụ án. Nay anh T yêu cầu xin ly hôn chị Tr, chị Tr thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2018, xóm trưởng xóm 9, xã A cũng xác nhận: Anh T và chị Tr kết hôn hơn 10 năm nay và sinh được 03 người con. Gần đây, chị Tr đi làm công ty rồi không biết đi đâu không rõ, thỉnh thoảng lại về nhà mẹ đẻ. Việc anh T nói chị Tr có quan hệ với người đàn ông khác thì cũng có nghe thấy. Hiện nay, 03 cháu đang ở với anh T.

HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả anh T và chị Tr đều đồng ý ly hôn, cần giải quyết cho anh T được ly hôn chị Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh T và chị Tr đều thừa nhận có 03 con chung là Mai Phương L - Sinh ngày 26/12/2007; Mai Bảo L - Sinh ngày: 28/11/2010 và Mai Văn T - Sinh ngày: 05/6/2013.

Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, còn cháu L và cháu L1 để chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L và cháu L1, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi cháu, mỗi tháng là 1.000.000đ. Ý kiến của cháu L và cháu L1 là nếu bố mẹ cháu không ở với nhau thì các cháu có nguyện vọng được ở với bố.

HĐXX thấy, nguyện vọng yêu cầu được nuôi con của hai bên đương sự đều phù hợp, cả anh T và chị Tr đều thống nhất giao cháu L và cháu L1 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, mặt khác cháu L và cháu L1 là con gái cần bàn tay chăm sóc của người mẹ nên xử giao cháu L và cháu L1 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Do chị Tr trực tiếp nuôi hai cháu, anh T trực tiếp nuôi một cháu, chị Tr yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Tr mỗi cháu, mỗi tháng là 1.000.000đ, hai cháu là 2.000.000đ/tháng là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, anh T công việc tự do thu nhập không ổn định, mặt khác, anh T cũng phải nuôi cháu T nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị Tr là anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr mỗi cháu, mỗi tháng là 750.000đ, hai cháu là 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2018 cho đến khi các cháu thành niên.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn là anh Mai Văn T không yêu cầu giải quyết, còn bị đơn chị Mai Thị Tr khai vợ chồng cũng có tài sản chung nhưng từ khi thụ lý vụ án đến nay chị đi làm không đến Tòa án để trình bày và yêu cầu được, nay Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo yêu cầu của anh T chỉ giải quyết về hôn nhân và con chung, nên vấn đề tài sản chị sẽ yêu cầu giải quyết sau. Vì vậy, cần dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung sau khi ly hôn cho anh T và chị Tr khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mai Văn T, cho anh Mai Văn T được ly hôn chị Mai Thị Tr.

2. Về con: Giao cháu Mai Phương L - Sinh ngày 26/12/2007 và cháu Mai Bảo L1 - Sinh ngày: 28/11/2010 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Mai Văn T - Sinh ngày: 05/6/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr mỗi cháu, mỗi tháng là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng); hai cháu là 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2018 cho đến khi các cháu thành niên.

Anh T và chị Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản: Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung sau khi ly hôn cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Mai Văn T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002763 ngày 17/5/2018 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; anh T còn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự. Anh T và chị Tr có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga An, Nga Sơn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyền